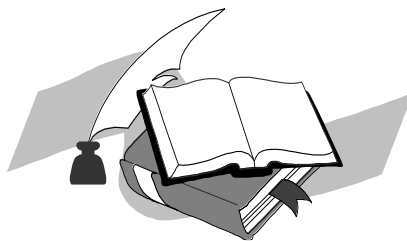




**CÔNG TY CP XÂY LẮP-CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM (MECOFOOD)
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

(Phụ lục số 04 Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)



Long An, ngày 07 tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	1
1.1. Thông tin khái quát.....	1
1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:.....	2
1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty.....	2
1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
1.3.1. Mô hình quản trị.....	2
1.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	3
1.4. Định hướng phát triển.....	4
1.5. Các rủi ro.....	4
II Tình hình hoạt động trong năm.....	5
2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.....	5
2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:.....	6
a- Mặt hàng lương thực:.....	6
b- Ngành hàng Cơ khí:.....	7
c- Ngành hàng Bê tông – VLXD:.....	7
d- Ngành hàng bao bì – Mỹ nghệ:.....	7
2.2. Tổ chức và nhân sự.....	7
2.2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	7
2.2.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành:.....	7
2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:.....	8
2.4. Tình hình tài chính:.....	9
2.4.1. Tình hình tài chính.....	9
2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính:.....	9
2.5. Cơ cấu cổ đông.....	10
2.5.1. Cổ phần.....	10
2.5.2. Cơ cấu cổ đông.....	10
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	10
(báo cáo phát triển bền vững).....	10
2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	10
2.6.2. Tiêu thụ năng lượng.....	11
2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2022).....	11
2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	11
2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.....	15
2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	15
3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	16
3.1.1. Tình hình chung.....	16
3.1.2. Tình hình của Công ty:.....	17
3.2. Kế hoạch phát triển của Công ty trong năm 2023.....	17
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	21
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:.....	21
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:.....	21
4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	21
V. Quản trị Công ty.....	22

5.1. Hội đồng quản trị.....	22
a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT	22
b. Hoạt động của HĐQT:.....	23
c. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập	24
5.2. Ban kiểm soát.....	24
5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát:.....	24
5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát	24
5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát.....	25
a. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):	25
b. Giao dịch của cổ đông nội bộ:.....	25
VI. Báo cáo tài chính	25
6.1. Kiểm toán độc lập.....	25
6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.....	26

I. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Xây Lắp – Cơ khí và Lương thực thực phẩm.
- Tên tiếng Anh: Mechanics Construction and Foodstuff Joint –Stock Company
- Tên viết tắt: MECOFOOD
- Giấy CNĐKKD số: 1100664038 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2005 thay đổi lần thứ 16 ngày 19 tháng 05 năm 2022.
- Vốn điều lệ: 107.778.380.000 đồng
- Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP Tân An, tỉnh Long An.
- Số điện thoại: 02723.820509
- Số Fax: 02723.521252 - Email: info@mecofood.com.vn
- Website: www.mecofood.com.vn
- Mã cổ phiếu: MCF
- Quá trình hình thành và phát triển
- + Những sự kiện quan trọng:

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ/TW ngày 24/9/2001 của BCHTW khóa IX về chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 2/4/2004 Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đã có quyết định số 54A/QĐ.HĐQT xóa tên và thực hiện sáp nhập một số đơn vị trực thuộc Công ty Lương Thực Long An vào xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí Nông Nghiệp, bao gồm: Xí nghiệp Chế biến Gạo Đặc Sản, Xí nghiệp Đầu tư Hạ tầng kinh doanh Địa ốc, Trạm thu mua chế biến Lương thực Bình Tịnh và Đội Vận Tải để tiến hành xây dựng phương án cổ phần hóa.

Ngày 09/12/2004 Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn đã ra quyết định số 4438/QĐ/BNN-TCCB về việc chuyển bộ phận Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí Nông nghiệp thành Công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, viết tắt là MECOFOOD. Ngày 3/2/2005 đơn vị tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy phép kinh doanh số 5003000092 vào ngày 18/02/2005 và Công ty chính thức đi vào hoạt động từ 01/3/2005 với số vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng.

Đến ngày 16 tháng 04 năm 2009 Đại hội cổ đông bất thường Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã biểu quyết thống nhất việc sáp nhập Công ty CP Nông Sản và Bao Bì Long An vào Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm và tăng vốn điều lệ lên 27.163.400.000 đồng.

Ngày 14/04/2010, Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm tiến hành tăng vốn điều lệ lên 35.000.000.000 đồng bằng hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 14/02/2011, 3.500.000 Cổ phiếu của Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là MCF. Đánh dấu một bước ngoặt lịch sử cho cổ phiếu của công ty chấm dứt thời kỳ giao dịch cổ phiếu OTC.

Ngày 11/11/2011, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ.MCF V/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 80 tỷ đồng bằng phương pháp chào bán rộng rãi ra công chúng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh và điều chỉnh kế hoạch năm 2011: lợi nhuận từ 15 tỷ lên 16,5 tỷ đồng, chia cổ tức từ 24% trở lên trong đó chia cổ tức bằng cổ phiếu là 22%.

Ngày 4/4/2018 tại đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ Công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Ngày 11/06/2018 vốn điều lệ công ty tăng từ 80.000.000.000 đồng lên 107.778.380.000 đồng và thực hiện niêm yết bổ sung lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Kể từ ngày thành lập cho đến nay công ty Mecofood không ngừng lớn mạnh, phát triển và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong sản xuất kinh doanh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh:

1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các mặt hàng về lương thực, thực phẩm, nông sản, bao bì các loại, hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rom sậy;

+ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản và sản phẩm cơ khí;

+ Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá thủy, bộ;

+ Tư vấn, thiết kế, sản xuất và thi công xây lắp về lĩnh vực cơ khí, điện và xây dựng;

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và đầu tư hạ tầng.

1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty

- Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu trong tỉnh Long An và các tỉnh thành lân cận.

1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1.3.1. Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc công ty, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Hội đồng quản trị hiện nay có 01 thành viên độc lập.

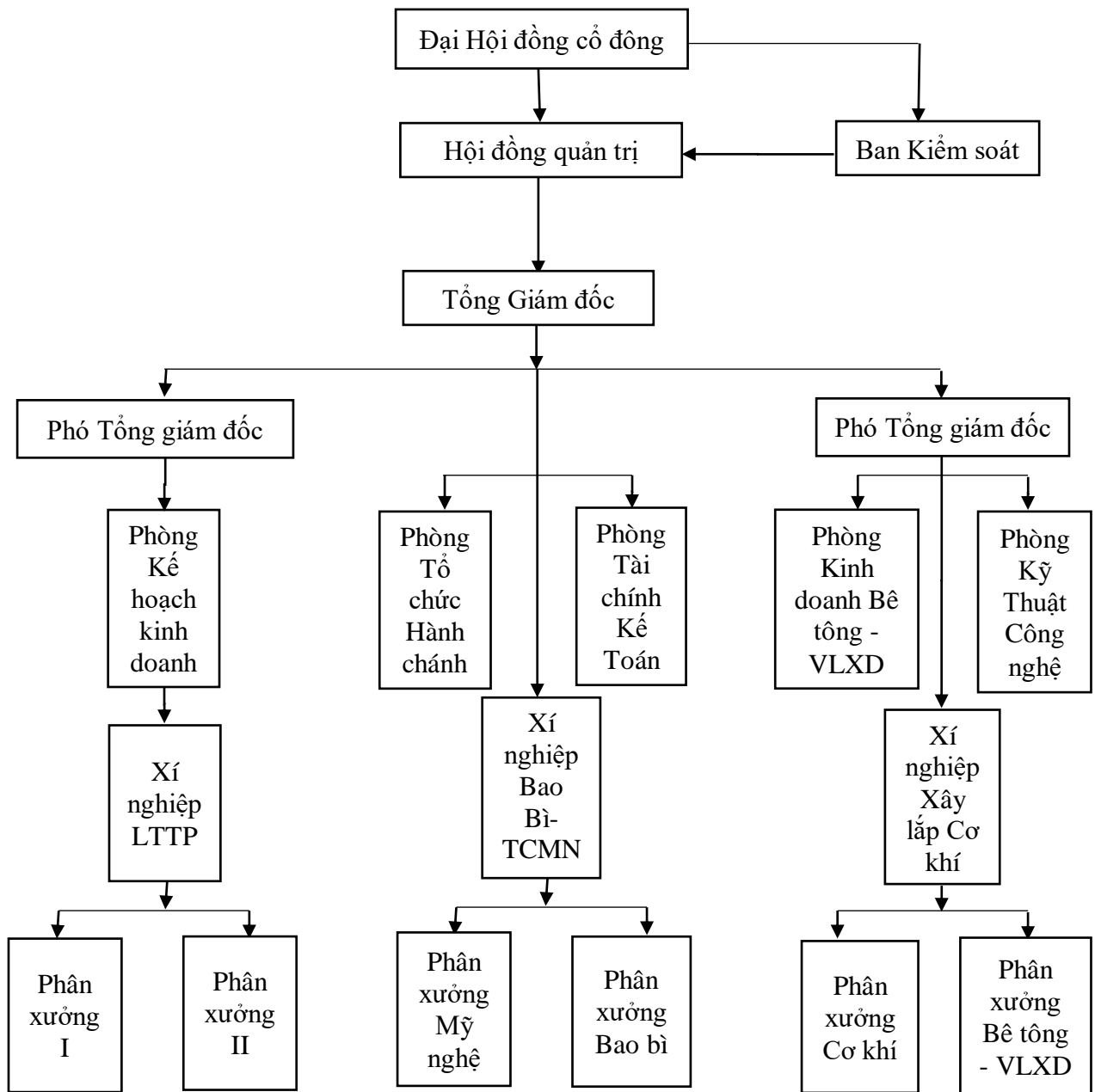
Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành mọi hoạt động trong công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực

của công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công.

Kế toán trưởng là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán tại Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác tài chính kế toán, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của công ty và các đơn vị trực thuộc.

1.3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



1.4. Định hướng phát triển

Tăng cường quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình thu mua dự trữ, sản xuất chế biến, cũng như quá trình tiêu thụ sản phẩm nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Sử dụng vốn đảm bảo an toàn và đúng mục đích theo đúng quy chế và quy định của pháp luật, tăng cường công tác kiểm tra việc chi tiêu theo quy chế tài chính của Công ty.

Tăng cường tiếp thị khai thác khách hàng để tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty, phát triển thị trường gạo nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu gạo trực tiếp, mở rộng thị trường gạo đặc sản, gạo cao cấp, tổ chức thu mua lúa, gạo khi vào vụ với chất lượng và giá tốt nhất, nâng cao hiệu quả công tác thông tin dự báo thị trường.

Thực hiện tốt liên kết sản xuất cánh đồng lớn, liên kết với doanh nghiệp cung ứng, hợp tác xã, doanh nghiệp sơ chế để phục vụ công tác thu mua lúa, gạo theo phương án năm 2020, nhằm đảm bảo chất lượng và ổn định nguồn nguyên liệu, tạo uy tín cho chất lượng hạt gạo Việt Nam cũng như thương hiệu của Công ty.

Tiếp tục cải tiến mẫu mã và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất.

Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời, quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

Quan tâm công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, chú trọng công tác an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm và vệ sinh công nghiệp.

Phối kết hợp giữa các tổ chức đoàn thể chính trị trong công ty thực hiện thường xuyên các đợt thi đua trong sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tập trung sức mạnh và trí tuệ tập thể để phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

1.5. Các rủi ro

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của giá thị trường.

- Rủi ro thị trường đối với hoạt động của công ty bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

- Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty có rủi ro về giá nguyên vật liệu như gạo, hạt nhựa, cát, đá, xi măng sắt thép các loại. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý tốt về giá.

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho khách hàng của Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

II Tình hình hoạt động trong năm

2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Trong năm 2022, tình hình hoạt động của Công ty mặc dù có nhiều khó khăn do nhiều yếu tố khác nhau, nhưng Ban điều hành Công ty đã có nhiều cố gắng phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng và các đoàn thể để tìm mọi biện pháp lãnh đạo đơn vị thực hiện nhiệm vụ của Công ty đạt được một số kết quả nhất định, dù một số ngành hàng chưa đạt hiệu quả nhiều như kỳ vọng nhưng tổng thể lợi nhuận của công ty đạt 100,07% so với kế hoạch đó là sự thành công cần được phát huy hơn nữa trong năm 2023.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022			So cùng kỳ 2021 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm 2022 (%)	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	570,356	425,112	74,53	94,88
2	Lợi nhuận Tr.thuế	Tỷ đồng	13,700	13,709	100,07	101,49
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo QĐ	3,899		84,30
4	Thu nhập b/q	Tr đồng	8,198	8,532	104,07	116,35

2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:

STT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2022			So cùng kỳ 2021 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm (%)	
I	Mua vào					
1	- Lương thực (quy gạo)	Tấn	34.000	23.626	69,49	70,67
II	Bán ra					
1	- Lương thực bán ra	Tấn	34.000	23.900	70,29	92,97
	Trong đó: + Xuất khẩu	Tấn	4.000	2.904	72,60	158,34
	+ Gạo Nội địa	Tấn	30.000	20.996	69,99	87,95
2	- Bao bì	1000 cái	10.000	3.512	35,12	49,49
3	- Cơ khí	Ti đồng	20	16,878	84,39	251,42
4	- Bê tông – VLXD	m3	65.000	55.234	84,98	104,20
5	- Mỹ nghệ	Cont	24	17,5	72,92	102,94

2.1.2. Đánh giá từng mặt hàng

a- Mặt hàng lương thực:

- Lượng tồn kho đến ngày 31/12/2022 là 10.227 tấn.
- Giá trị: 93,534 tỷ đồng.

Trong đó:

- Đã có hợp đồng: 6.807 tấn (Nội địa 6.807 tấn + xuất khẩu: 0 tấn).
- Số lượng chưa có hợp đồng: 3.420 tấn.

Mặt hàng lương thực trong năm 2022 số lượng bán ra 23.900 tấn đạt 70,29% so với kế hoạch (23.900 tấn/34.000 tấn), đạt 92,97% (23.900 tấn/25.708 tấn) so với cùng kỳ 2021. Mặc dù sản lượng bán ra thấp hơn so với kế hoạch nhưng trong năm 2022 ngành hàng lương thực mang lại lợi nhuận lớn cho Công ty. Đạt được kết quả trên là do làm tốt công tác thu mua, ngay từ đầu năm 2022 Công ty luôn nắm bắt tình hình thị trường chọn thời điểm mua vào gạo nguyên liệu giá thấp nên khi chế biến bán ra cho khách hàng đều có lãi.

b- Ngành hàng Cơ khí:

Mặt hàng cơ khí trong năm 2022 doanh số là 16,878 tỷ đồng đạt 84,39% so với kế hoạch (16,878 tỷ đồng/20 tỷ đồng), đạt 251,42% (16,878 tỷ đồng/6,713 tỷ đồng) so với cùng kỳ 2021. Trong năm 2022 ngành hàng cơ khí kinh doanh có hiệu quả góp phần vào lợi nhuận chung toàn Công ty. Đạt được kết quả trên là do trong năm 2022 ngành hàng cơ khí ký được một số hợp đồng gia công lắp đặt thiết bị với khách hàng bên ngoài và một số hợp đồng sửa chữa, di dời máy móc thiết bị trong hệ thống Tổng Công ty.

c- Ngành hàng Bê tông – VLXD:

Mặt hàng Bê tông sản lượng bán ra trong năm 2022 là 55.234 m³ đạt 84,98% so với kế hoạch (55.234 m³/65.000 m³), đạt 104,20% (55.234 m³/53.010 m³) so với cùng kỳ 2021. Mặt hàng bê tông chịu áp lực cạnh tranh về chất lượng, khối lượng và giá bán không lành mạnh của các đối thủ cạnh tranh. Ngoài ra trong năm 2022 chi phí sửa chữa thiết bị trạm trộn và các phương tiện vận chuyển bê tông lớn làm giảm đi đáng kể hiệu quả của ngành hàng này. Trong năm ngành hàng bê tông kinh doanh không hiệu quả.

d- Ngành hàng bao bì – Mỹ nghệ:

Mặt hàng bao bì trong năm 2022 số lượng bán ra 3.512 triệu cái đạt 35,12% so với kế hoạch (3.512.triệu chiếc/10.000 triệu chiếc), đạt 49,49% (3.512 triệu chiếc/7.096 triệu chiếc) so với cùng kỳ 2021, nguyên nhân do ngành hàng này cạnh tranh về giá bán rất khốc liệt Công ty phải giảm giá mới bán được hàng, ngoài ra một số khách hàng lớn thường xuyên lấy hàng của Công ty đã tự đầu tư hệ thống máy dệt phục vụ cho nhu cầu nội tiêu làm cho sản lượng bao bì bán ra giảm mạnh, với kết quả kinh doanh trên trong năm 2022 ngành hàng bao bì kinh doanh không hiệu quả.

Mặt hàng Mỹ nghệ hợp đồng đã ký là 17,5 cont, trong năm 2022 đã giao hàng được 17,5 con't đạt 72,92% so với kế hoạch (17,5 cont/24 cont), đạt 102,94% (17,5 cont/17 cont) so với cùng kỳ 2021, ngành hàng mỹ nghệ việc hoàn thành 24 cont theo kế hoạch không thể thực hiện được nguyên nhân phía khách hàng cắt giảm sản lượng do còn tồn sản phẩm của năm 2021 chưa tiêu thụ hết. Ngoài ra giá chi phí nguyên vật liệu đầu vào như lúa non, rơm vàng, chi phí nhân công tăng nhưng việc tăng giá bán sản phẩm không nhiều đã làm cho ngành hàng này kinh doanh không hiệu quả.

2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty

+ Công ty gồm 05 phòng chức năng (phòng Kế hoạch Kinh doanh, phòng Kỹ thuật Công nghệ, phòng Tài chính Kế toán, phòng Kinh doanh Bê Tông và phòng Tổ chức Hành chánh), 3 xí nghiệp trực thuộc (xí nghiệp Lương thực Thực phẩm, xí nghiệp Xây lắp Cơ khí, xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ).

2.2.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành:

* Ông: Nguyễn Văn Kiệt

- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1964

- Địa chỉ thường trú: 41 Nguyễn Thông, Phường 3, TP Tân An, Long An.

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

* Ông Lê Trường Sơn

- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1963

- Địa chỉ thường trú: 168 QL1, P5, TP Tân An, Long An .

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

* Ông: Nguyễn Bình Hiễn

- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1964

- Địa chỉ thường trú: 5/3 Đường số 6, P.5, TP.Tân An, Long An.

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

* Bà : Lê Mai Hân

- Ngày tháng năm sinh: 27/06/1993

- Địa chỉ thường trú: 323/2 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên tổ đại diện vốn Tổng công ty Lương thực Miền Nam tại Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

* Ông Trần Vĩnh Thanh

- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1971

- Địa chỉ thường trú: Số 501, Lê Đại Hành, Khóm Mỹ Trung, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

* Ông Nguyễn Minh Phục

- Ngày tháng năm sinh: 12/11/1968

- Địa chỉ thường trú: 05 Nguyễn Minh Trường, P3, TP. Tân An, Long An.

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

* Bà Nguyễn Thị Thanh Phụng

- Ngày tháng năm sinh: 15/12/1988

- Địa chỉ thường trú: 613/1 Ấp 1 Xã Hòa Phú, huyện Châu Thành Long An .

- Chức vụ công tác ở Công ty: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Tổng giá trị đầu tư đã thực hiện trong năm 2022 là 556.934.322 đồng, cụ thể:

- Xí nghiệp Lương Thực Thực Phẩm: Đầu tư băng tải kép dùng để nhập xuất hàng bằng đường thủy với số tiền: 467.584.322 đồng.

- Xí nghiệp Bao bì & TCMN : Nâng nền nhà xe khuôn viên cây xanh xí nghiệp Bao bì thủ công mỹ nghệ. Trị giá công trình: 89.350.000 đồng.

Các hạn mục đầu tư đã được quyết toán, đưa vào sử dụng và phát huy được hiệu quả trong năm 2022.

2.4. Tình hình tài chính:

2.4.1 Tình hình tài chính

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	228,781	193,726	-15,32
Doanh thu thuần	443,586	423,299	-15,32
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9,250	12,796	38,33
Lợi nhuận khác	4,258	913	-78,56
Lợi nhuận trước thuế	13,508	13,709	1,49
Lợi nhuận sau thuế	10,906	10,926	0,18
Tỉ lệ chia cổ tức	7,2%	Dự kiến 7,3	1,39

2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,87	1,70	2,18
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,13	0,44	0,58
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	24,05	46,87	36,65
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	31,67	88,21	57,85
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	6,31	3,95	2,96
+ Vòng quay tổng tài sản	3,22	2,29	2
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1,91	2,46	2,58
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	8,72	8,97	8,90
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	6,62	4,77	5,64
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	2,08	2,13	2,96

2.5. Cơ cấu cổ đông

2.5.1. Cổ phần

- Tên Cổ phiếu: MCF
- Tổng số cổ phiếu thường : 10.777.838 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.777.838 cổ phiếu
- Cổ tức / lợi nhuận được chia cho các thành viên góp vốn : Cổ tức năm 2022 dự kiến 7,3% trên vốn điều lệ 107.778.380.000 đồng.

2.5.2. Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước.

Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ (6.466.800CP)

- Thông tin về từng cổ đông góp vốn:

Cổ đông lớn là tổ chức:

+ Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần (Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TPHCM) là cổ đông nắm giữ 6.466.800 CP, chiếm 60% vốn điều lệ.

+ Cổ đông lớn là thể nhân: không có.

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty (báo cáo phát triển bền vững)

2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm của Công ty:

- Nguyên, nhiên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng bao bì và thủ công mỹ nghệ như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Hạt nhựa nguyên sinh	361,300	Tấn
2	Lúa tươi	1.229,029	Tấn
3	Taical, hạt màu	139,403	Tấn
4	Rơm khô	106,595	Tấn
5	Dầu nhớt	4.620	Lít

- Nguyên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng cơ khí, bê tông tươi và VLXD như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Sắt	91,7	Tấn
2	Đá	48.300	m ³
3	Cát	32.400	m ³
4	Xi măng	19.000	Tấn
5	Dầu nhớt	3.485	lít

- Nguyên vật liệu chính dùng cho quá trình sản xuất gạo là gạo nguyên liệu khoảng 25.000 tấn/ năm.

Nhiên liệu sử dụng chính trong sản xuất gạo là dầu nhớt dùng để bôi trơn máy móc thiết bị. Lượng dầu nhớt sử dụng khoảng 200 lít/ năm.

b. Nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm

+ Ngành hàng bao bì: Sản phẩm bao bì dẹt lỗi, rìa bao bì được gom lại bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng mỹ nghệ: Nguyên liệu chủ yếu là rom khô và lúa tươi, nguyên liệu dư thừa sản phẩm hỏng được gom lại bán cho các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Ngành hàng cơ khí bê tông và VLXD: Nguyên liệu dư thừa từ quá trình cắt gọt kim loại được gom lại và bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng lương thực: Do đặc thù của ngành nghề sản xuất kinh doanh nên ngành lương thực không có nguyên vật liệu được tái chế sử dụng.

2.6.2. Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng chủ yếu Công ty sử dụng là điện. Nguồn điện Công ty sử dụng từ lưới điện quốc gia trong năm 2022 công ty sử dụng cho sản xuất và hoạt động văn phòng khoảng 2.651.327 kw/năm cụ thể:

- Văn phòng công ty: 101.400 kw/năm
- Xí nghiệp Xây lắp cơ khí: 187.900 kw/năm
- Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm: 688.400 kw/năm
- Xí nghiệp Bao bì và Thủ công mỹ nghệ: 1.673.627 kw/năm

2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2022)

a. Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ

Hiện tại, nguồn nước xí nghiệp sử dụng lấy từ giếng khoan trong khuôn viên và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp với lưu lượng sử dụng trong năm 2022 là khoảng 1.517m³/năm.

b. Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp. Nhu cầu sử dụng khoảng 10.633 m³/năm. Chủ yếu là dùng để trộn bê tông tươi và một phần cho sinh hoạt hằng ngày của CBCNV Xí nghiệp.

c. Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp. Nhu cầu sử dụng khoảng 1.536 m³/năm. Chủ yếu dùng sử dụng cho sinh hoạt vệ sinh hằng ngày của CBCNV của Xí nghiệp.

2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty CP Xây Lắp – Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm luôn chấp hành tốt Luật bảo vệ môi trường và các quy định Pháp Luật hiện hành. Hàng năm Công ty đã

phối hợp với đơn vị tư vấn môi trường tiến hành đo đạc, phân tích chất lượng môi trường tại các Xí nghiệp trực thuộc Công ty để kiểm soát ô nhiễm, khắc phục những thiếu sót và tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường, tìm ra các giải pháp nhằm làm giảm thiểu ô nhiễm.

a. Bụi, khí thải

Lượng bụi và khí thải phát tán trong các Xí nghiệp ảnh hưởng nhiều đến công suất và sức khỏe của công nhân. Do đó, Công ty đã hạn chế tới mức thấp nhất các tác động của bụi đối với công nhân sản xuất và bảo đảm sức khỏe công nhân bằng các biện pháp sau:

Xây dựng nhà xưởng theo đúng quy định nhà công nghiệp, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết.

Lắp đặt các hệ thống thông gió phù hợp cho nhà xưởng.

Công nhân được trang bị bảo hộ lao động như: Bao tay, khẩu trang, nút chống ồn, dép nhựa, yếm che, nón bảo hộ...

Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân viên để hạn chế phát sinh bệnh nghề nghiệp.

Thường xuyên kiểm tra việc quét dọn vệ sinh nhà xưởng.

Khu vực đường nội bộ sẽ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường.

Các phương tiện giao thông khi lưu thông trong Xí nghiệp phải giảm tốc độ theo quy định và phải được che phủ cẩn thận.

b. Tiếng ồn, độ rung

Mặc dù các nguồn phát sinh tiếng ồn trong hoạt động sản xuất của Công ty không nhiều, nhưng Công ty vẫn thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa mức gây ồn để tránh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động:

- Tách riêng khu vực sản xuất với văn phòng.
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy trong quá trình hoạt động, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn, đặc biệt đối với những bộ phận truyền động.
- Trong trường hợp máy móc có bộ phận rơ mòn, sẽ được nhân viên kỹ thuật thay thế và sửa chữa kịp thời.
- Thường xuyên đo đạc giám sát độ ồn của máy móc thiết bị để có biện pháp thay thế khắc phục kịp thời.
- Đúc móng máy đủ khối lượng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền.
- Kiểm tra độ mài mòn chi tiết, thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

- Công nhân được trang bị đầy đủ nút chống ồn.
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân.

c. Các biện pháp khống chế nhiệt thừa

Để hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và đảm bảo điều kiện vi khí hậu tốt cho công nhân đứng máy, các Xí nghiệp đã áp dụng các biện pháp sau:

Xây dựng nhà xưởng cao ráo, thoáng mát đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với loại hình công nghệ sản xuất.

Bố trí cửa thông thoáng gió xung quanh tường các xưởng sản xuất hoặc dùng quạt gió trực đứng để gia tăng vận tốc gió cục bộ trong phân xưởng.

Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty (đảm bảo diện tích cây xanh chiếm tối thiểu 15% tổng diện tích mặt bằng).

Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động để hạn chế thấp nhất các tác hại đối với công nhân. Các trang phục này bao gồm quần áo và phương tiện bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, nón bảo hộ, yếm che, khẩu trang, găng tay, nút chống ồn).

Tóm lại, việc hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và cải tạo môi trường vi khí hậu là một công tác khá quan trọng. Tình trạng xấu của môi trường vi khí hậu không chỉ ảnh hưởng tới công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm mà còn ảnh hưởng tới cường độ lao động của người công nhân sản xuất: điều kiện lao động nóng, bụi không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe mà còn ảnh hưởng tới năng suất lao động của họ.

d. Biện pháp khống chế ô nhiễm do nước thải

Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

Lượng nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, ... được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

Nước mưa từ mái các nhà xưởng sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt

Phát sinh chủ yếu từ nhu cầu sử dụng nước của CBNV như: vệ sinh cá nhân, rửa tay,... Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm dưới đất. Nước thải sau xử lý sẽ được lưu thông trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng rồi mới chuyển qua ngăn lọc và dẫn vào hệ thống chung của khu vực.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh các âu tiêu, nước tắm, rửa được thu gom và dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại 3 ngăn là loại bể chứa gồm 1, 2, 3 ngăn. Bể này có thể xử lý toàn bộ các loại nước phân, tiêu. Khi nước thải chảy vào bể nó được làm sạch nhờ 2 quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn, sau đó chảy qua

ngăn thứ 3 trước khi đến bể lắng, hồ ga sau đó thoát ra công thoát chung.

Nước thải sản xuất

Do đặc trưng của ngành nghề sản xuất nên hoạt động sản xuất của Công ty không phát sinh nước thải sản xuất chỉ phát sinh lượng nước vệ sinh phân xưởng, tuy nhiên lượng nước thải này rất ít và phát sinh không thường xuyên, ngoại trừ ngành hàng sản xuất bê tông tươi của Công ty có phát sinh nước thải sản xuất nhưng được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau khi được xử lý sẽ tái sử dụng lại.

e. Biện pháp không ché ô nhiễm do chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn thông thường

Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường, Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý sau:

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, chia làm 2 nhóm chính:

+ Nhóm các chất có thể thu hồi để tái sử dụng: các loại phế phẩm như bao bì, giấy carton, chai lọ, vỏ chai..)

+ Nhóm các chất thải cần xử lý: Các chất thải hữu cơ dễ phân hủy như rau, thực phẩm dư thừa... được phân loại riêng để thu gom xử lý theo quy định. Các chất thải rắn khác không thể tái sử dụng được thu gom, quét dọn hằng ngày và lưu trữ đúng quy định;

- Công ty đã thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho tất cả các nhân viên, ban hành các nội quy về bảo vệ môi trường để thực hiện;

- Công ty đã đặt các thùng rác tại các khuôn viên xung quanh Công ty, tránh được tình trạng vứt rác bừa bãi;

Các loại chất thải rắn thải sinh hoạt phát sinh tại các Xí nghiệp và văn phòng Công ty đã được chúng tôi hợp đồng với Công ty Công trình Đô Thị thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đối với chất thải rắn sản xuất

Trong thời gian hoạt động xí nghiệp đã thực hiện các biện pháp để quản lý đối với chất thải rắn sản xuất như sau:

+ Rìa bao, dây nilon, chỉ may, kim loại vụn được thu gom và bán lại cho các cơ sở thu mua.

+ Rơm khô bỏ ra từ quá trình lựa lúa, cắt tía sản phẩm được thu gom bán các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Lượng còn lại không bán được thì thu gom lại cùng với rác thải sinh hoạt.

- Đối với chất thải rắn nguy hại:

Hình thức lưu trữ: Lưu trữ trong các thùng chứa kín có nắp đậy, gắn dấu hiệu cảnh báo và không để lẫn với chất thải khác.

Do khối lượng phát sinh chất thải nguy hại tại Công ty với khối lượng rất ít. Riêng đối với lượng bóng đèn huỳnh quang và giẻ lau dính dầu thải, Công ty sẽ tiến hành thu gom riêng, lưu trữ nơi riêng biệt có dán nhãn và định kỳ 6 tháng Công ty đã tiến hành

thuê đơn vị có chức năng vận chuyển thu gom, xử lý theo đúng quy định.

f. Biện pháp phòng chống các sự cố môi trường

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy điện tử tự động, có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC.

- Bố trí các dụng cụ: bình chữa cháy, các họng cứu hỏa, bể chứa nước... ở các vị trí hợp lý để ứng cứu kịp thời khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Phối hợp với Công an PCCC lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho người lao động, tổ chức các đợt huấn luyện và diễn tập cho công nhân của Công ty.

- Công ty cũng thành lập một đội PCCC gồm 5 tổ chữa cháy, cứu thương và vận chuyển để ứng phó khi có tình huống cháy, nổ xảy ra.

- Bảo quản các nguyên vật liệu, sản phẩm an toàn, tránh xa nguồn có khả năng gây nổ.

- Kiểm tra biển báo, biển cấm lửa, hệ thống báo cháy tự động, nội quy PCCC.

- Lắp hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng.

Ngoài các biện pháp phòng chống cháy nổ như trên, Công ty cũng thực hiện các biện pháp sau để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo sức khỏe cho công nhân:

- Toàn thể công nhân được học tập về an toàn lao động.

- Trang bị các dụng cụ an toàn lao động cho công nhân khi vận hành đặt biệt như: sửa chữa, bảo trì các thiết bị.

- Kiểm tra và theo dõi sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế.

- Khống chế các nguồn gây ô nhiễm đạt tiêu chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp.

2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

+ Tổng số CNV lao động là 242 người.

+ Thu nhập bình quân năm 2022 của Công ty là 8,532 triệu đồng/người/tháng.

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho CBCNVLĐ; thực hiện chế độ trợ cấp độc hại cho công nhân làm việc trong môi trường độc hại, bệnh nghề nghiệp; chăm lo đời sống người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp tết cổ truyền và các ngày lễ lớn trong năm.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cấp bảo hộ lao động trong toàn Công ty; Tổ chức tập huấn ATVSLĐ, ATVSTP, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đo môi trường lao động.

2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài công tác tập trung sản xuất kinh doanh trong năm 2022 Công ty luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động. Các đoàn thể đã thực

hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình và nhiệm vụ chính trị của Công ty như: Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua sản xuất, tích cực tham gia xây dựng và giám sát thực hiện qui chế dân chủ cơ sở:

- Công đoàn phối hợp chính quyền chăm lo đời sống Người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp tết cổ truyền.

- Công đoàn phối hợp với Chính quyền lập Kế hoạch tổ chức CNVC-LĐ đi tham quan, nghỉ mát năm 2022 cho 216 Công đoàn viên và 81 Công nhân lao động với số tiền là 488.700.000 đồng. Địa điểm tham quan nghỉ mát Vũng Tàu, Bình Thuận, Ninh Thuận....

- Công đoàn đã tích cực hưởng ứng phong trào tương thân tương ái, kịp thời hỗ trợ người lao động gặp khó khăn, đã xét đơn xin vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ Người lao động không tính lãi cho 08 trường hợp vay 90 triệu đồng thời hạn là 20 tháng. Hỗ trợ 02 Công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn số tiền 10 triệu đồng.

- Công đoàn kết hợp với Chính quyền quan tâm chăm lo đến đời sống của người lao động, thực hiện áp dụng lương tối thiểu vùng đối với người lao động bắt đầu từ tháng 7/2022. Ngoài ra trong năm 2022 Chính quyền kết hợp với Công đoàn trao tặng quà Tết cho đoàn viên người lao động trong Công ty với số tiền trên 155 triệu đồng, chi thăm hỏi người lao động bị ốm đau cho 157 lượt người số tiền 62,1 triệu đồng, Chính quyền hỗ trợ chi phí công tác phòng chống dịch bệnh covid-19 là trên 12,7 triệu đồng.

- Thực hiện Công văn số 316/ UBND-LĐTBXH ngày 24/01/2022 của UBND Thành phố Tân An về việc chi trợ cấp người lao động nghỉ việc không lương do ảnh hưởng dịch Covid-19 cho 72 người 226.310.000 đồng và 21 con nhỏ dưới 6 tuổi là 21.000.000 đồng. Tổng tiền chi trợ cấp là 247.310.000 đồng.

- Đoàn thanh niên kết hợp với Công đoàn tổ chức đêm hội trăng rằm 15/08/2022 âm lịch cho các cháu thiếu nhi là con người lao động trong Công ty và d các cháu thiếu nhi địa phương.

- Tổ chức cho Đoàn viên đi viếng nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Long An nhân ngày thương binh liệt sĩ 27/07/2022 nhằm giáo dục truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc.

- Hội cựu chiến binh tổ chức thực hiện báo cáo sơ kết, tổng kết năm 2022, gửi báo cáo về đơn vị cấp trên.

- Định kỳ hàng quý Hội cựu chiến binh tổ chức họp tuyên truyền, thông tin các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết của Chi hội CCB cấp trên cho toàn thể hội viên thông suốt.

III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

3.1.1. Tình hình chung

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 gặp nhiều khó khăn: Do ảnh hưởng của dịch bệnh, của biến đổi khí hậu và tình hình chiến sự Nga -Ukraina...làm

cho chuỗi cung ứng hàng hóa bị đứt gãy, nguyên nhiên vật liệu bị thiếu hụt, giá cả có xu hướng tăng... đã ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các ngành hàng kinh doanh của Công ty.

3.1.2. Tình hình của Công ty:

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động SXKD của Công ty có những thuận lợi và khó khăn sau:

Thuận lợi:

- Sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, năng động, sáng tạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Sự đoàn kết thống nhất của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty và toàn thể CBCNV-NLĐ nhằm vượt qua khó khăn phát triển sản xuất.

- Công ty có tình hình tài chính lành mạnh nhiều năm liền làm ăn có hiệu quả được các tổ chức tín dụng tin tưởng cấp hạn mức cho vay.

- Công ty có đội ngũ cán bộ có trình độ giàu kinh nghiệm trong quản lý điều hành, có lực lượng lao động trẻ giàu tính sáng tạo và niềm say mê trong công việc.

Khó khăn:

Ngành hàng Lương thực một số chủng loại gạo khan hiếm, giá gạo luôn đứng ở mức cao, khách hàng yêu cầu về chất lượng ngày càng cao.

Ngành hàng Cơ khí: Đầu năm tình hình dịch bệnh Covid còn diễn biến phức tạp, việc triển khai lắp đặt rất khó khăn, những tháng cuối năm thì thuận lợi hơn nhưng lực lượng công nhân cơ khí mỏng, Công ty phải tìm nhiều giải pháp để đảm bảo tiến độ.

Ngành hàng Bê tông: Giá xi măng tăng cao, các vật tư cát, đá, phụ gia cũng tăng làm ảnh hưởng đến giá thành thành phẩm Bê tông gây khó khăn trong việc bán hàng, về công nợ bán hàng lớn chậm trả cũng tìm ẩn nhiều rủi ro, thị trường bị thu hẹp do có quá nhiều trạm bê tông mới hình thành cùng địa bàn nên sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt đặc biệt là về giá bán.

Ngành hàng Thủ công Mỹ nghệ: Giá nguyên liệu đầu vào, giá nhân công ngày càng tăng nhưng giá bán không tăng nhiều, khách hàng cắt giảm sản lượng do chưa giải phóng được hàng tồn kho của năm trước.

Ngành hàng Bao bì: Giá hạt nhựa liên tục biến động khó dự báo do tác động từ giá xăng dầu, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt về giá bán, một số khách hàng lớn của Công ty tự mở cơ sở sản xuất bao riêng phục vụ cho nội tiêu.

Trước tình hình khó khăn nêu trên, Ban điều hành Công ty có những chỉ đạo sáng suốt kịp thời vừa quyết liệt vừa linh hoạt, bám sát chủ trương định hướng của Tổng Công ty, của HĐQT Công ty, nỗ lực tìm mọi biện pháp để vượt qua khó khăn thách thức cùng toàn thể CBCNV-NLĐ phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

3.2. Kế hoạch phát triển của Công ty trong năm 2023

+ Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	GHI CHÚ
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	511,538	
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	13,8	
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo QĐ	
4	Thu nhập bình quân người LĐ	Tr đồng	8,230	

+ Các chỉ tiêu mua vào bán ra:

Stt	Diễn giải	ĐVT	KH 2023	GHI CHÚ
1	- Lương thực mua vào quy gạo:	Tấn	34.000	
	Trong đó : + Gạo các loại :	Tấn	33.250	
	+ Lúa các loại :	Tấn	1.500	
	- Lương thực bán ra quy gạo	Tấn	34.000	
1	Trong đó: + Xuất khẩu	Tấn	4.500	
	+ Gạo Nội địa	Tấn	29.500	
2	Bao bì (quy chuẩn 120 gr)	Triệu cái	7,000	
3	Mỹ nghệ	Con't	24	
4	Doanh số cơ khí	Tỷ đồng	20	
5	Bê tông	M ³	65.000	

Nhiệm vụ giải pháp chung:

Công ty đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2023 như sau:

- Hoàn chỉnh các quy chế, quy định trong công tác quản lý; Tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy chế về quản lý tài chính trong thu, chi, nhập, xuất tại các đơn vị trực thuộc. Tích cực thu hồi công nợ, hạn chế nợ dây dưa, quá hạn.

- Thường xuyên chỉ đạo và kiểm tra công tác công bố thông tin kịp thời và đúng theo Luật chứng khoán hiện hành đảm bảo công khai, minh bạch.

- Thành lập tổ kiểm kê nhằm kiểm kê hàng hóa, tài sản, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ toàn Công ty phục vụ cho công tác quyết toán năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 trình HĐQT và Tổng công ty xem xét phê duyệt.

- Tiếp tục sắp xếp, củng cố bộ máy quản lý của Công ty và các xí nghiệp trực thuộc, kiện toàn bộ máy quản lý và ngành nghề kinh doanh phù hợp với hoạt động SXKD của Công ty.

- Tăng cường kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm. Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ, PCCC cho CB CNV toàn Công ty; Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV-NLĐ và các đối tượng theo tiêu chí an toàn vệ sinh thực phẩm ...

Các giải pháp đối với các ngành hàng:

- Mặt hàng lương thực:
- + Về sản xuất chế biến:
 - Các Phòng liên quan phối hợp với Xí nghiệp Lương thực thực phẩm tổ chức rà soát lại định mức trong dây chuyền sản xuất những công đoạn chưa phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí để giảm giá thành, tăng thu hồi thành phẩm, bán ra có hiệu quả.
 - Thực hiện tốt công tác bảo trì máy móc thiết bị để sản xuất ổn định giao hàng đúng thời gian theo hợp đồng đã ký.
 - Kiểm tra phối trộn đúng tỷ lệ quy định.
 - Vận hành chế biến đúng như các thủ tục hướng dẫn Haccp.
 - Chú trọng công tác quản lý chất lượng, tổ chức kiểm tra, kiểm soát tốt quá trình sản xuất chế biến từ khâu nguyên liệu đến khâu thành phẩm nhằm hạn chế các điểm nguy trong giao dịch bán hàng.
- + Về tiêu thụ:
 - Phòng KHKD Công ty phải lên kế hoạch tiêu thụ cụ thể theo mạng lưới khách hàng hiện có, cân đối và có kế hoạch tiếp thị bán ra ở những phân khúc thị trường mới nhằm đảm bảo sản lượng tiêu thụ đạt theo kế hoạch được giao.
 - Về chiến lược giá bán ra xây dựng trên cơ sở theo từng đối tượng khách hàng, giá bán cụ thể theo từng thời điểm cho từng loại hàng đảm bảo cạnh tranh và có hiệu quả.
 - Dự đoán, dự báo về thị trường, tính hiệu quả từng mặt hàng trước khi quyết định thực hiện ký hợp đồng bán hàng nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh.
 - Về xuất khẩu Phòng KHKD tăng cường quan hệ tìm kiếm thêm khách hàng, tìm đầu ra cho xuất khẩu.
 - Về nội địa tổ chức tiếp thị bán hàng vào các thị trường mới với những loại gạo phù hợp với thu nhập của người dân, chú trọng tiếp thị vào các cơ sở chế biến thức ăn nhanh như bún, bánh phở, mì, nui... Tham gia quảng cáo thực hiện các chương trình khuyến mãi, đưa ra những sản phẩm mới đa dạng cung cấp tại các hệ thống siêu thị, bếp ăn tập thể, suất ăn công nghiệp nhằm quảng bá thương hiệu Công ty.
 - Thường xuyên chăm sóc khách hàng nhằm nắm bắt kịp thời những phản hồi từ khách hàng về giá cả, chất lượng và đối thủ cạnh tranh để từ đó có giải pháp điều chỉnh để thích nghi với thị trường.

Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:

Mặt hàng Bao bì: Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi.

Tích cực tiếp thị, chăm sóc khách hàng để tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu.

Thường xuyên kiểm tra công tác sản xuất sản phẩm đảm bảo đúng chất lượng, trọng lượng, giảm giá thành sản phẩm tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

Linh hoạt chọn thời điểm mua nguyên vật liệu với giá thấp nhất để giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Bộ phận bán hàng cần tăng cường công tác tiếp thị, quảng cáo để tăng sản lượng bán ra.

Mặt hàng Mỹ nghệ: Đàm phán với khách hàng tăng giá mặt hàng mỹ nghệ để bù đắp phần chi phí nhân công, nguyên vật liệu tăng.

Thường xuyên trao đổi để nắm bắt thông tin của khách hàng về chủng loại, kích thước sản phẩm, đàm phán để ký kết hợp đồng, tổ chức sản xuất sản phẩm cho năm 2023, đồng thời có thể tính toán được lượng nguyên liệu lúa tươi, rom vàng cần sử dụng cho năm 2023 để tiến hành nhập mua.

Tìm mọi biện pháp để giảm giá thành, cụ thể: Giám sát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào như lúa non rom vàng..., tăng tỷ lệ thu hồi sảy, tận dụng tối đa nguyên vật liệu sau gia công, sơ chế để đưa vào sản xuất phù hợp với tính chất của từng sản phẩm như: Giảm lúa phé, rom phé và tận dụng lúa phé, rom phé làm shin, tiết kiệm tối đa nguyên liệu đầu vào cũng như tiết kiệm điện năng trong quá trình sấy lúa, sấy sản phẩm. Xem đây làm nhiệm vụ hàng đầu năm 2023 để tiết giảm chi phí trong điều kiện khó tăng về sản lượng tiêu thụ trong khi chi phí mua lúa, rom ngày càng tăng.

Mặt hàng Cơ khí – Bê tông & VLXD:

Mặt hàng Cơ khí: Có chính sách tiền lương hợp lý để giữ chân công nhân bên cạnh đó tăng cường thu tuyển công nhân có tay nghề cao vào làm việc nhằm ổn định sản xuất và đảm bảo tiến độ công trình.

Cần có sự sắp xếp khoa học, hợp lý giữa các tổ đội trong phân xưởng cơ khí nhằm tăng năng suất lao động trong bối cảnh thiếu hụt lao động như hiện nay.

Chú trọng đào tạo và đào tạo lại lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề nhằm tiếp cận những công nghệ mới trong vận hành sản xuất.

Tiếp tục cải tiến mẫu mã, nâng cao tính năng và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng.

Tăng cường công tác tiếp thị chăm sóc khách hàng trước, trong và sau bán hàng, đặc biệt là khách hàng truyền thống để tư vấn trong việc nâng cấp dây chuyền, thiết bị để nâng chất lượng gạo sản xuất ra ngày càng cao theo nhu cầu của thị trường.

Mặt hàng Bê tông – Vật liệu xây dựng: Tăng cường công tác giám sát chất lượng đảm bảo chất lượng luôn ổn định cung cấp cho khách hàng.

Thường xuyên kiểm tra bảo trì máy móc thiết bị trạm trộn, xe bồn, bơm bê tông... đảm bảo cho hoạt động sản xuất được xuyên suốt không bị gián đoạn.

Chú trọng công tác nghiên cứu ứng dụng vật liệu mới, phụ gia mới vào bê tông đưa vào sản xuất đại trà nhằm hạ giá thành tăng tính cạnh tranh cho ngành hàng này.

Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và gạch không nung để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ. Do thị phần bị cạnh tranh gay gắt và chia nhỏ nên bộ phận bán hàng cần đẩy mạnh tiếp thị, khai thác mở rộng thêm các khu vực trong và ngoài tỉnh nhằm phát huy hiệu quả năng lực đầu tư và hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra.

Quan tâm công tác thu hồi công nợ tránh tình trạng nợ dây dưa khó đòi.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhìn chung năm 2022 là một năm hết sức khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với chi phí đầu vào tăng cao như giá nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, tiền lương công nhân,... nhưng giá bán sản phẩm tăng không nhiều, thậm chí có những mặt hàng phải giảm giá để bán được hàng. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành nghề ngày càng gay gắt. Công ty vừa phải phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra năm 2022 vừa phải đảm bảo sức khỏe, việc làm, thu nhập, đời sống cho CBCNVLĐ.

Với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao sự quản lý điều hành nhạy bén, năng động và quyết đoán của Ban Tổng giám đốc, cùng sự thống nhất, nỗ lực, quyết tâm vì mục tiêu chung của toàn thể CBCNVLĐ nên năm 2022 mặc dù có nhiều khó khăn nhưng Công ty đã hoàn thành 100% lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông năm 2022 giao, đây là thành quả của sự cố gắng của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong Công ty cần được phát huy hơn nữa trong năm 2023.

4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:

Trong năm 2022, tình hình hoạt động của Công ty mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng luôn bám sát định hướng của HĐQT, phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng và các đoàn thể để tìm mọi biện pháp lãnh đạo đơn vị thực hiện nhiệm vụ của Công ty đạt được một số kết quả nhất định, dù một số ngành hàng chưa đạt hiệu quả nhiều như kỳ vọng nhưng tổng thể lợi nhuận của công ty đạt 100,07% so với kế hoạch, bảo tồn được nguồn vốn của nhà nước, có cố tức cho cổ đông và đảm bảo được đời sống cho người lao động.

4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Năm 2023, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;

- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2023 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 và các năm tiếp theo và phấn đấu đạt mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước;
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty.
- Tăng cường chỉ đạo công tác quản trị rủi ro của toàn Công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Đổi mới chính sách tiền lương, thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính;
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ và cử cán bộ đi học nâng cao nghiệp vụ;
- Quan tâm, chia sẻ hài hòa và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông và của người lao động trong Công ty.

V. Quản trị Công ty

5.1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội đồng quản trị có 05 thành viên trong đó 02 thành viên trực tiếp điều hành, 02 thành viên không trực tiếp điều hành và 01 thành viên độc lập.

+ 01 thành viên độc lập:

Ông Trần Vĩnh Thanh Thành viên HĐQT

+ 02 thành viên không trực tiếp điều hành:

Ông Nguyễn Văn Kiệt Chủ tịch HĐQT

Bà Lê Mai Hân Thành viên HĐQT

+ 02 thành viên trực tiếp điều hành:

Ông Lê Trường Sơn Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Bình Hiên Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT

Họ và tên	Số lượng CP	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Nguyễn Văn Kiệt	2.169.880	20,133%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%
Ông Lê Trường Sơn	1.107.439	10,275%	Trong đó đại diện vốn nhà nước 10%
Ông Nguyễn Bình Hiên	1.114.148	10,337%	Trong đó đại diện vốn nhà nước 10%

Họ và tên	Số lượng CP	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Trần Vinh Thanh	-	-	
Bà Lê Mai Hân	2.155.600	20%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%
Tổng cộng	6.547.067	60,745%	

Cổ phần thuộc vốn tập thể và cá nhân khác 4.231.313 cổ phần, chiếm tỷ lệ 39,255% vốn điều lệ.

- Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Kiệt	Chủ tịch HĐQT	7/7	100 %	
2	Lê Trường Sơn	UV HĐQT-TGD	7/7	100 %	
3	Nguyễn Bình Hiền	UV HĐQT-PTGD	7/7	100 %	
4	Nguyễn Thị Hoài	UV HĐQT	4/4	100 %	Miễn nhiệm ngày 15/6/2022
5	Võ Hùng Dũng	UV HĐQT	4/4	100 %	Miễn nhiệm ngày 15/6/2022
6	Lê Mai Hân	UV HĐQT	3/3	100%	Bỏ nhiệm ngày 15/6/2022
7	Trần Vĩnh Thanh	UV HĐQT	3/3	100%	Bỏ nhiệm ngày 15/6/2022

b. Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, Hội đồng quản trị luôn bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đề ra các Nghị quyết, Quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý giám sát các hoạt động của Công ty.

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2022 và Nghị quyết của HĐQT.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp hàng Quý với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo

tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

-Thực hiện chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 cho phù hợp với thực tế của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Ngoài ra, khi có phát sinh những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đều xin ý kiến của HĐQT bằng việc triệu tập cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và phải có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong HĐQT.

c. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đóng góp ý kiến trong cuộc họp về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2022 và Nghị quyết của HĐQT.

-Thành viên HĐQT độc lập thực hiện vai trò giám sát, bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông, đặc biệt là các cổ đông nhỏ.

5.2. Ban kiểm soát

5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Bà Hoàng Thị Liên	TBKS	20.208	0,187	
2	Bà Lê Thị Hồng Nhung	TV BKS	0	0	
3	Ông Phan Lê Duy	TV BKS	0	0	

5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 cụ thể:

Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Xem xét báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, quý và cả năm. Từ đó phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 trước và sau

kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến của kiểm toán viên độc lập. Ban kiểm soát đã nhận định Báo cáo tài chính năm 2022 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2022.

Bên cạnh đó Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc để nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm 2022, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2022. Từ đó, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến của mình trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/BanKiểm soát.

a. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):

Thành viên HĐQT: 7.000.000 đồng, thành viên ban kiểm soát: 5.500.000 đồng.

b. Giao dịch của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Võ Hùng Dũng	TV HĐQT	0	0	4.900	0,045	Mua khớp lệnh qua sàn

VI. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán theo đúng qui định của pháp luật về kế toán:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

(Toàn văn báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán được đăng tải trên website www.mecofood.com.vn, trang thông tin cổ đông)

6.1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH CPA Việt Nam. Báo cáo của kiểm toán độc lập dựa trên những cơ sở và ý kiến của kiểm toán viên như sau:

Trách nhiệm của kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ
VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**
Số 29 Nguyễn Thị Bảy, phường 6, Tp. Tân An,
tỉnh Long An

Mẫu số B 01- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		154.274.114.866	182.286.245.160
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.971.803.256	5.216.580.817
1. Tiền	111	5.1	4.971.803.256	5.216.580.817
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.291.291.617	42.119.637.864
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	35.533.097.117	42.875.185.397
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		423.525.000	264.925.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.063.908.000	874.867.917
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(1.729.238.500)	(1.895.340.450)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	112.958.812.754	134.950.026.479
1. Hàng tồn kho	141		112.958.812.754	134.950.026.479
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		52.207.239	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.207.239	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		39.452.206.464	46.495.166.850
I Các khoản phải thu dài hạn	210		86.000.000	90.200.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	86.000.000	90.200.000
II Tài sản cố định	220		35.208.805.052	42.106.836.695
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	35.208.805.052	42.106.836.695
- Nguyên giá	222		124.429.841.059	125.073.100.490
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.221.036.007)	(82.966.263.795)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		737.803.229	737.803.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(737.803.229)	(737.803.229)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	4.157.401.412	4.298.130.155
1. Chi phí sản xuất, Kinh doanh dở dang dài hạn	241		4.157.401.412	4.260.802.870
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	37.327.285
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270 = 100+200)	270		193.726.321.330	228.781.412.010

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ
VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**
Số 29 Nguyễn Thị Bảy, phường 6, Tp. Tân An,
tỉnh Long An

Mẫu số B 01- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		70.995.447.150	107.225.879.948
I- Nợ ngắn hạn	310		70.725.447.150	106.955.879.948
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	8.864.777.339	10.821.685.095
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	7.047.905.530	6.825.761.487
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	743.728.123	636.322.531
4. Phải trả người lao động	314		5.194.608.268	3.199.660.768
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		172.565.600	45.454.545
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	758.715.470	1.341.254.112
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	45.535.000.285	82.842.628.350
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		720.373.714	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.687.772.821	1.243.113.060
II- Nợ dài hạn	330		270.000.000	270.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	270.000.000	270.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		122.730.874.180	121.555.532.062
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	122.730.874.180	121.555.532.062
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		107.778.380.000	107.778.380.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>107.778.380.000</i>	<i>107.778.380.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(31.818.182)	(31.818.182)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.004.822.066	2.954.529.066
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.979.490.296	10.854.441.178
- <i>LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước</i>	<i>421a</i>		<i>176.165.818</i>	<i>59.016.118</i>
- <i>LNST chưa phân phối kì này</i>	<i>421b</i>		<i>10.803.324.478</i>	<i>10.795.425.060</i>
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		193.726.321.330	228.781.412.010

Long An, ngày 24 tháng 02 năm 2023

Người lập



Bùi Văn Kết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Phụng

Tổng Giám đốc




Lê Trường Sơn

-Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP – CƠ KHÍ
VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**

Số 29 Nguyễn Thị Bảy, phường 6, Tp. Tân An,
tỉnh Long An

Mẫu số B 02- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	423.631.888.706	443.595.204.361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	332.300.000	8.309.950
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	423.299.588.706	443.586.894.411
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	366.755.089.190	396.564.357.912
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		56.544.499.516	47.022.536.499
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	623.327.819	168.927.792
7. Chi phí tài chính	22	6.6	5.399.082.880	5.570.296.239
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.094.855.149	5.444.543.990
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	13.559.505.078	12.570.134.701
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	25.413.573.442	19.800.594.520
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		12.795.665.935	9.250.438.831
11. Thu nhập khác	31	6.9	1.188.551.487	4.307.165.891
12. Chi phí khác	32	6.9	275.350.437	49.389.400
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.9	913.201.050	4.257.776.491
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		13.708.866.985	13.508.215.322
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	2.783.042.507	2.602.390.262
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		10.925.824.478	10.905.825.060
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	852	839

Long An, ngày 24 tháng 02 năm 2023

Người lập



Bùi Văn Kết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Phụng

Tổng Giám đốc



Lê Trường Sơn

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022(Theo phương pháp gián tiếp)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ
VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**
Số 29 Nguyễn Thị Bảy, phường 6, Tp. Tân An,
tỉnh Long An

Mẫu số B 03- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.708.866.985	13.508.215.322
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		7.454.966.811	7.540.403.528
- Các khoản dự phòng	03		554.271.764	(167.734.537)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		73.449.225	34.539.359
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.129.238)	(10.813.661)
- Chi phí lãi vay	06		5.094.855.149	5.444.543.990
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		26.882.280.696	26.349.154.001
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.875.159.084	(8.017.898.717)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.577.526.000	(70.874.324.058)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(360.990.453)	(2.517.803.474)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.094.855.149)	(5.444.543.990)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.632.390.262)	(2.850.806.408)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.006.717.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.423.279.239)	(1.355.623.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.823.450.677	(63.705.129.202)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.518.700)	(2.543.459.727)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.129.238	10.813.661
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.610.538	(2.532.646.066)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		295.405.302.154	493.609.713.203
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(332.712.930.219)	(422.486.977.029)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.760.043.360)	(7.544.486.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(45.067.671.425)	63.578.249.574
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(242.610.210)	(2.659.525.694)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.216.580.817	7.876.565.088
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.167.351)	(458.577)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	4.971.803.256	5.216.580.817

Người lập



Bùi Văn Kết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Phụng

Long An, ngày 24 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Trường Sơn

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2022, Công ty xin báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và toàn thể cổ đông được biết.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Trường Sơn